

KẾT CẤU VỊ TỪ CHUYỂN ĐỘNG DO TÁC ĐỘNG TRONG TIẾNG VIỆT

ThS. Phan Thanh Tâm

1. Dẫn nhập

Trong nhiều nghiên cứu trước đây, phần lớn các nhà ngôn ngữ Việt Nam tập trung vào vị từ gây chuyển động hơn là vị từ chuyển động. Một số nhà ngôn ngữ thì đưa nhóm vị từ này vào vị từ hành động bởi thực chất chuyển động cũng là động từ. Với thuộc tính “gây chuyển động” thì nhóm vị từ này lại được đưa vào nhóm vị từ gây khiến.

Nguyễn Lai (1977, 1989) có lẽ là nhà ngôn ngữ đầu tiên của Việt Nam quan tâm đến chuyển động, đặc biệt là hướng chuyển động. Nhà ngôn ngữ này đã đưa ra vấn đề các tiểu từ chỉ hướng *đi, đến, vào, lên, xuống, về, qua, tới, sang*, và *lại* trở thành động từ trong tiếng Việt. Tuy nhiên, nhà ngôn ngữ này cho rằng cấu trúc như *Tàu về Hà Nội, Rắn về hang, Chim về tổ* chỉ là hình thức rút gọn của *Tàu chạy về Hà Nội, Rắn bò về hang, Chim bay về tổ* mà không giải quyết được vấn đề cấu trúc vị từ *chạy về, bò về, bay về*.

Tương tự Lê Cận & Phan Thiệu, Diệp Quang Ban (1996), trong *Ngữ pháp tiếng Việt*, cũng xếp *vào, ra, lên, đến* là động từ chuyển động. Tuy nhiên trong nhóm động từ chuyển động với nhà ngôn ngữ này cũng xuất hiện động từ *lăn*. Như thế, với nhà ngôn ngữ này, tính chỉ hướng của vị từ đã không được xem xét mà chỉ xem xét đến tính chuyển động.

Tác giả Đinh Văn Đức trong *Ngữ pháp tiếng Việt – Từ loại* (1986) cũng tiếp tục theo quan điểm của Nguyễn Kim Thản và xếp vị từ gây khiến cùng với vị từ cầu khiến cùng vào một nhóm động từ. Nhà ngôn ngữ này cũng gọi các động từ *ra, vào, lên, xuống* là các động từ chuyển động. Tuy nhiên, các nghiên cứu này chỉ dừng lại ở mức độ nói về tính chất trên của các động từ này. Còn vấn đề liên quan đến hướng và phương thức chuyển động đã không được đề cập đến một cách chuyên sâu.

Lê Biên trong *Từ loại tiếng Việt hiện đại* (1999) đã đi sâu vào đặc trưng của các động từ gây khiến dựa theo định nghĩa của ông. Theo đó, *động từ gây khiến là những động từ vận động có tác động gây khiến, chi phối hoạt động của đối tượng* (Lê Biên, 1999). Tuy nhiên, trong tài liệu nêu trên, Lê Biên đã không xác định tác động

“gây khiến” lên bị thể thể nào cũng như không xác định sự đối lập giữa vị từ gây khiến và vị từ cầu khiến vì thế, một lần nữa, sự tách biệt giữa hai nhóm vị từ này chưa được xác định rõ ràng.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu của các nhà ngôn ngữ Việt Nam, vị từ tác động gây chuyển động vẫn được xem là vị từ gây khiến, đồng thời vị từ chuyển động với tính cách “động” của chúng vẫn được xếp vào lớp vị từ hành động hay động từ chuyển động.

Trong giới nghiên cứu trên thế giới thì vị từ chuyển động nói chung, và vị từ chuyển động do tác động đã được nhiều nhà ngôn ngữ nước ngoài tập trung nghiên cứu từ những năm 1970. Talmy, nhà ngôn ngữ người Mỹ với công trình xuất bản năm 1972, được coi là người đi tiên phong trong việc nghiên cứu về vị từ chuyển động và vị từ chuyển động do tác động. Talmy đã đưa ra ba hình thức chung mà các ngôn ngữ trên thế giới tích hợp vào vị từ chuyển động để có ba hình thức ngôn ngữ theo cách mà phương thức/nguyên nhân chuyển động, hướng chuyển động và chủ thể chuyển động tích hợp vào vị từ chuyển động.

Nghiên cứu của chúng tôi bám sát vào khái niệm về vị từ chuyển động và vị từ chuyển động do tác động của nhà nghiên cứu Talmy.

2. Vị từ chuyển động do tác động trong tiếng Việt nhìn từ góc độ của khái niệm Talmy

2.1. Khái niệm chuyển động

Chuyển động là một lĩnh vực liên quan chặt chẽ với nhận thức của con người. Vì vậy, cấu trúc của một sự tình chuyển động cũng như các biểu hiện ngữ nghĩa của nó được xem được phóng chiếu từ cấu trúc nhận thức về chuyển động (Talmy, 1983, 1985). Sự tình chuyển động được mã hóa trong ngôn ngữ theo cách thức nó được mã hóa trong nhận thức của con người. Các yếu tố cấu tạo nên chuyển động cũng được mã hóa trong ngôn ngữ theo cùng cơ chế mà con người tri nhận chuyển động trong không gian.

Theo Leonard Talmy (1985), sự tình chuyển động là sự di chuyển hoặc một quá trình định vị trong không gian của một thực thể. Những kiểu chuyển động này có thể là sự thay đổi vị trí hoặc sự chuyển động tại chỗ của thực thể trong không gian.

1. a. Một thiên thạch đang tiến về phía trái đất.

b. Trái quay chung quanh mặt trời.

Hai sự tình miêu tả trong (1a) và (1b) đều là những sự tình chuyển động, song tính chất của chuyển động hoàn toàn khác nhau. Sự tình (1a) là sự tình chuyển động tịnh tiến, nghĩa là ở một thời điểm t thì thực thể X sẽ ở một vị trí y nào đó khác với vị trí y' ở thời điểm t' , còn sự tình trong (1b) lại là một sự chuyển động mà các vị trí của thực thể được tái lập liên tục, nghĩa là ở những thời điểm t, t' hay t'' , thực thể có thể ở cùng một vị trí.

Một sự tình chuyển động theo Talmy có cấu trúc bao gồm hai sự tình: chuyển động tịnh tiến và một đồng sự tình. Quan điểm “đồng sự tình” này có thể biểu thị trong nó hai yếu tố là phương thức và nguyên nhân chuyển động. Talmy cho rằng một vị từ chuyển động bao gồm trong cấu trúc ngữ nghĩa của nó hai khái niệm khác nhau này (sự tình chuyển động tịnh tiến và đồng sự tình). Liên quan đến quá trình nhận thức hóa sự hòa kết sự tình chuyển động, như vậy Talmy giả định cả hai sự tình cấu thành sự tình chuyển động được nhận thức một cách riêng biệt. Đồng sự tình miêu tả phương thức và nguyên nhân của chuyển động được Talmy gọi là chuyển động hướng thân. Chuyển động hướng thân được trích xuất với tư cách là đồng sự tình từ phức thể chuyển động. Đồng sự tình miêu tả phương thức sẽ cùng diễn ra với sự tình chuyển động tịnh tiến hay sự tình chính, đồng sự tình miêu tả nguyên nhân có thể diễn ra trước hoặc đồng thời với sự tình chính. Theo Talmy (1983, 1985), điều kiện tất yếu để cấu thành một chuyển động là bốn thành tố nội tại gồm: đối tượng chuyển động, điểm quy chiếu chuyển động, hướng chuyển động và chuyển động, trong đó, bao gồm cả đồng sự tình chuyển động (phương thức chuyển động và nguyên nhân chuyển động).

2.2. Kết cấu vị từ chuyển động do tác động trong tiếng Việt nhìn từ góc độ của Talmy

Kết cấu chuyển động do tác động được xem là một bộ phận của kết cấu gây khiến. Vì vậy, về mặt cấu trúc nó là một kết cấu miêu tả một vĩ sự tình do hai sự tình bộ phận cấu thành. Kết cấu chuyển động do tác động bao gồm các tham tố sau: kẻ gây khiến, bị thể hay đối tượng chịu tác động, hướng chuyển động và đích hay quy chiếu của chuyển động. Tất cả những tham tố này được xem là thành tố cấu thành sự tình chuyển động do tác động, trong đó hai tham tố “kẻ gây khiến” và “bị thể” là hai tham tố “lỗi” của quá trình tác động và quá trình chuyển động.

Kết cấu chuyển động do tác động theo Talmy, không nhất thiết phải sinh từ ngữ nghĩa của vị từ có mặt trong kết cấu, hay nói cách khác, vị từ không mã hóa ngữ nghĩa của chuỗi chuyển động.

2. Phong *đá* cái cửa.

3. Phong *đập* trái bóng.

Vị từ *đá* và *đập* tự thân không chuyển tải ý nghĩa gây khiến hay tác động nhưng khi những vị từ này sử dụng trong kết cấu chuyển động do tác động thì ý nghĩa tác động hay gây khiến xuất hiện rất rõ:

4. Phong *đá* trái bóng vào khung thành.

(→Phong tác động vào trái bóng khiến trái bóng chuyển động vào khung thành)

5. Phong *đập* trái bóng văng ra sân.

(→Phong tác động vào trái bóng khiến trái bóng chuyển động ra sân)

Chẳng hạn tham tố “*kẻ gây khiến*” trong khung ngữ nghĩa của vị từ *đá* có thể “hợp nhất” với tham tố tác thể trong kết cấu song chuyển vì “*kẻ gây khiến*” có thể được xem là một biểu hiện của tham tố tác thể. Việc một vai nghĩa được xem là một biểu hiện của một vai nghĩa khác được xác định bằng các nguyên tắc phân loại chung.

6. Phong *đá* vào cái cửa. → vai nghĩa “*kẻ gây khiến*”

7. Phong *đá* trái bóng cho Hải. → vai nghĩa “*tác thể*”

Theo nguyên tắc Phù ứng, mỗi vai tham tố được biểu thị về mặt từ vựng phải “hợp nhất” với một vai tham tố của kết cấu được đánh dấu bằng một biểu thức ngôn ngữ. Nguyên tắc có thể minh họa qua kết cấu chuyển động do tác động như trong câu (8) dưới đây:

8. Phong *nhét* cái ruột xe vào trong vỏ.

Tham tố “*kẻ gây khiến*” của kết cấu hợp nhất với tham tố “*người nhét*” của vị từ “*nhét*”, tham tố bị thể hay đối tượng chịu tác động của kết cấu hợp nhất với tham tố “*vật nhét*”, tham tố “*hướng*” trùng với tham tố “*hướng*” của vị từ, còn tham tố “*đích*” trùng với tham tố “*nơi nhét*”. Kết cấu chuyển động do tác động cho phép một tham tố, thường là tham tố “*đích*” không đánh dấu hay nói một cách đơn giản là tham tố này có thể vắng mặt nếu như các điều kiện ngữ nghĩa-ngữ dụng cho phép.

Tham tố *kẻ gây khiến* trong kết cấu chuyển động biểu thị yếu tố gây ra sự thay đổi vị trí của đối tượng chịu tác động hay nói cách khác sự tác động này khiến đối tượng chuyển động theo một hướng nào đó, có thể theo chủ đích của tác nhân hoặc không.

9. *Phong* bắn viên đá lên trời.
10. *Phong* đẩy chiếc xe hơi vào sân.
11. *Dòng nước lũ* cuốn trôi hàng trăm ngôi nhà.
12. *Gió* thổi cánh diều lên cao.

Tham tố “*kẻ gây khiến*” trong các kết cấu chuyển động trong câu (9) đều chịu sự chi phối của một hạn lệ ngữ nghĩa đặc biệt. Tham tố này có thể hành chức trong kết cấu như một tác thể hay một lực tự nhiên. Danh ngữ *Phong* trong (9) và (10) hành chức với tư cách là một tác thể thực hiện một *lực* khiến đối tượng (do danh ngữ bỏ ngữ trực tiếp biểu thị) chuyển động. Trong khi đó, các danh ngữ chủ ngữ trong (11) và (12) biểu thị một *lực tự nhiên* tác động vào đối tượng khiến đối tượng chuyển động theo một hướng không xác định. Sự khác biệt giữa tác thể và lực tự nhiên nằm ở khả năng biểu thị chủ ý tác động đối với đối tượng. Các tham tố như tham tố phương tiện không thể xem là tham tố *kẻ gây khiến* như trong các câu sau đây:

13. *Con đội* nâng chiếc xe lên.
14. *Cái thang máy* đưa họ xuống tầng hầm.

Các danh ngữ biểu thị vai “*phương tiện*” trong câu (13) và (14) có vẻ phù ứng trong kết cấu, tuy nhiên nếu xét một cách cận kẽ hơn, những danh ngữ này đều biểu thị đối tượng chuyển động do một lực nào đó tác động, chứ không hành chức như tham tố *kẻ gây khiến* như trong các câu (9-12). Do đó, việc lựa chọn tham tố hành chức về mặt cú pháp như chủ ngữ giữ một vai trò trong khả năng biểu thị (kết cấu chuyển động) cho thấy ngữ nghĩa của kết cấu nhất thiết phải tham chiếu tham tố này, chứ không phải tham chiếu kết cấu vị ngữ trong kết cấu chuyển động.

Tuy nhiên, tham tố “*bị thể*” trong kết cấu chuyển động biểu thị đối tượng chuyển động do tác động. Tham tố “*bị thể*” liên quan trực tiếp đến khái niệm thuộc tri giác là đối tượng hay đối tượng chuyển động – một trong các thành tố nội tại của chuyển động (Talmy).

15. *Trái bóng* lăn xuống cầu thang. → *Trái bóng*: đối tượng

16. Phong đá *trái bóng* lăn xuống cầu thang. → Trái bóng: tham tố bị thể (đối tượng chuyển động)

Về mặt cú pháp, tham tố này phải là bổ ngữ trực tiếp của vị từ chuyển tác trong kết cấu như trong các ví dụ sau đây:

17. Hải kéo *chiếc ghe* vào bờ.
18. Hải ném *trái bóng* cho Phong.
19. Hải kéo *Phong* vào bờ.
20. Con lóc quật ngã *hàng chục cây xanh ven đường*.

Các danh ngữ *chiếc ghe*, *trái bóng*, *Phong*, *hàng chục cây xanh ven đường* đều biểu thị tham tố bị thể, hay nói chính xác đây là những đối tượng chuyển động sau khi chịu một lực tác động từ tham tố kẻ gây khiến (tác thể hay lực tự nhiên). Tuy nhiên, một trong những tham số ngữ nghĩa của danh ngữ bổ ngữ - thuộc tính [\pm hữu sinh] có thể xem là một yếu tố ảnh hưởng đến tính hiện thực của chuyển động vì thuộc tính này biểu thị mức độ “*đối kháng*” của đối tượng chịu tác động đối với bản thân tác động. Trong trường hợp, đối tượng chịu tác động do danh ngữ biểu thị một thực thể [-hữu sinh], vấn đề “mức độ kháng cự” của đối tượng không được tính đến, sự chuyển động do gây khiến là hiện thực.

21. Phong đẩy *cái bàn* ra ngoài. → Cái bàn chuyển động
22. Phong đá *trái bóng* vào khung thành. → Trái bóng chuyển động

Nếu danh ngữ bổ ngữ biểu thị một thực thể [+hữu sinh], “mức độ kháng cự” là có thể và khả năng chuyển động của đối tượng có thể bị ảnh hưởng.

23. Phong đẩy *Hải* ra ngoài.
24. Phong kéo *đứa bé* ra giữa hồ.

Các thực thể hữu sinh trong câu (23) và (24) hoàn toàn có khả năng “*kháng cự*” sự tác động của tác thể, và điều này có thể ảnh hưởng đến quá trình chuyển động-kết quả mà tác thể muốn tạo ra. Do đó, tham tố bị thể trong kết cấu chuyển động do tác động thường không hướng đến kết quả (*chuyển động*) mà tác nhân nhắm đến. So sánh hai câu (23 và 24) với câu dưới đây:

25. Vitamine B giúp *cơ thể* tiêu hóa thức ăn.

Thực thể do tham tố “bị thể” trong câu (25), “*cơ thể*” có xu hướng nhắm đến kết quả (*tiêu hóa thức ăn*), ngoài ra, tác nhân “vitamine B” tham dự vào quá trình hiện

thực hóa xu hướng của bị thể nên kết quả diễn ra, trong khi đó, bị thể trong (23 và 24) không biểu thị ý muốn hiện thực hóa kết quả, nhưng chủ thể tác động ngược với xu hướng của bị thể nên kết quả cũng diễn ra.

Trong tiếng Việt và một số ngôn ngữ khác ngay cả các thứ tiếng Ấn-Âu cũng có trường hợp tham tố bị thể hay đối tượng chuyển động do gây khiến không được biểu thị hiển ngôn trong kết cấu. Hiện tượng khuyết tham tố bị thể này diễn ra khi nó được tích hợp trong cấu trúc ngữ nghĩa của vị từ tác động hoặc kết cấu cú pháp của câu liên quan cho phép sự vắng mặt này.

26. Phong bắn [bị thể = Φ] vào tám bia.

27. Phong đang tát [bị thể = Φ] ao bắt cá.

28. Phong lấy *hồn hớp đó* phun [bị thể = Φ] lên mấy cây hoa hồng.

Tham tố bị thể *đạn* trong câu (26) được tích hợp trong cấu trúc ngữ nghĩa của vị từ tác động “*bắn*”, còn trong câu (27) tham tố bị thể được mã hóa trong cấu trúc ngữ nghĩa của danh ngữ “*ao*”. Trong câu (28) hơi khác, trong kết cấu chuỗi vị từ [V1 + O + V2], V1 và V2 cùng chia sẻ một bổ ngữ trực tiếp do danh ngữ *hồn hớp đó* biểu thị. Chính sự chia sẻ tham tố này cho phép bị thể vắng mặt ở vị trí cú pháp sau V2. Và có thể cho rằng đây là đặc trưng của kết cấu chuỗi vị từ tiếng Việt.

Tham tố “nguyên nhân” trong kết cấu chuyển động do tác động thường do sự tình gây khiến biểu thị. Sự tình gây khiến hay sự tình gây chuyển động được biểu thị bằng một vị từ hoặc một ngữ vị từ chuyển tác, có khả năng gây khiến hoặc duy trì một sự tiếp xúc mang tính vật lý trong tương quan với đối tượng chịu tác động.

29. Phong *búng* con ruồi văng khỏi bàn.

30. Phong *đưa* bà cụ qua đường.

31. Phong *thổi* tờ giấy rơi xuống đất.

Các vị từ biểu thị nguyên nhân chuyển động đều là những vị từ chuyển tác điển mẫu biểu thị quá trình tác động vật lý, tâm lý nhằm vào một đối tượng và khiến nó chuyển động. Cần phân biệt nhóm vị từ này với nhóm vị từ chuyển tác cầu khiến như *thuyết phục, van xin, nài nỉ, khuyến khích, cho phép*, v.v. Nhóm vị từ cầu khiến này giống nhau ở chỗ là thực thể do bổ ngữ trực tiếp biểu thị đưa ra một quyết định mang tính nhận thức hơn là một chuyển động. Ngoài ra, khi chịu *tác động mang tính tâm lý*

do nhóm vị từ này biểu thị, đối tượng có thể thực hiện hoặc có thể không thực hiện chuyển động theo hướng mà tham tố tác nhân định sẵn.

32. Phong *mời* Hoa đến nhà chơi (*nhưng Hoa không đến*).

33. Phong *thuyết phục* Hoa ra ngoài (*nhưng Hoa không đồng ý*)

34. Phong *nài nỉ* Hoa vào trong (*nhưng Hoa không chịu*)

Sự khác biệt giữa kết cấu chuyển động do tác động và kết cấu gây khiến trên là trong kết cấu chuyển động do tác động giữa sự tình gây khiến và chuyển động kéo theo không có một quyết định mang tính nhận thức đến từ phía tham tố bị thể. Vấn đề liên quan đến khái niệm gây khiến trực tiếp mà nhiều nhà ngữ học đã đề cập đến (Shibatani 1973, McCawley 1978, v.v). Nội dung của khái niệm “*gây khiến trực tiếp*” được hiểu như sau: “giữa tác nhân và bị thể trên trục gây khiến không có bất kỳ thực thể nào ở cùng cấp độ hoặc với tác nhân hoặc với bị thể, trong trường hợp tồn tại một thực thể nào đó thì thực thể này chỉ được xem là yếu tố tạo thuận lợi chứ không phải là tác nhân”. Dựa trên khái niệm “*gây khiến trực tiếp*”, có thể thấy ngay các kết cấu trong câu (32-34) không được xem là kết cấu chuyển động vì sự chuyển động nếu có đến từ một quyết định mang tính nhận thức (*thực thể trung gian*) của bị thể.

Ngoài ra, cách thức tác động cũng giữ một vai trò quan trọng trong việc xác định yếu tố nào là yếu tố gây khiến. Sự tình tác động phải thật sự tạo ra sự chuyển động hoặc ít ra là sự chuyển vị của đối tượng chịu tác động, còn nếu tác động mà không gây ra sự chuyển động hay chuyển vị của đối tượng thì sự tác động này không được xem là tham tố gây khiến thuộc kết cấu chuyển động do gây khiến.

35. Phong *giẫm* lên trái bóng (*ra sân).

36. Phong *đá* trái bóng ra sân.

Chủ thể *Phong* đều tác động vào *bị thể* một lực, tuy nhiên chỉ có lực tác động do vị từ “*đá*” biểu thị được xem là lực gây ra sự chuyển vị của bị thể “*trái bóng*”, trong khi lực tác động “*giẫm*” trong câu (35) không gây ra sự chuyển vị hay chuyển động của trái bóng. Như vậy, chỉ có kết cấu trong câu (36) được xem là kết cấu chuyển động do tác động hay gây khiến, và vị từ thuộc kết cấu được xem là tác nhân chuyển động

Theo Talmy tham tố “hướng chuyển động” trong kết cấu chuyển động miêu tả quỹ đạo chuyển động của bị thể. Hướng chuyển động này có thể do bản thân tham tố tác nhân xác định hoặc không.

37. Phong ném trái bóng *vào* tường.

38. Gió thổi cái muống *rót/bay/văng xuống* đất.

Hướng chuyển động trong câu (37) được bản thân tham tố tác nhân xác định khi thực hiện một động lực gây ra một sự chuyển động tức thời của bị thể. Trong khi đó, tham tố tác nhân trong câu (38) là một lực tự nhiên nên bản thân không thể vạch định hướng chuyển động của đối tượng. Về mặt cú pháp-ngữ nghĩa, tham tố hướng chuyển động trong kết cấu tiếng Việt thường được biểu thị bằng một vị từ chuyển động hoặc một phức thể vị từ chuyển động, nhưng bắt buộc hướng chuyển động phải được mã hóa trong cấu trúc ngữ nghĩa của vị từ chuyển động. Hướng chuyển động của “*trái bóng*” được mã hóa trong cấu trúc ngữ nghĩa của vị từ “*vào*”, còn hướng chuyển động của “*cái muống*” trong câu (38) được từ vựng hóa bằng vị từ “*xuống*”. Có một sự khác biệt về kết cấu giữa câu (37) và câu (38) là trong kết cấu (38) có sự xuất hiện của một nhóm vị từ chuyển động mã hóa phương thức chuyển động (*rót/bay/văng*). Tuy nhiên, phương thức chuyển động không phải là tham tố quan yếu trong kết cấu chuyển động do tác động trong tiếng Việt so với với tham tố hướng.

Hướng chuyển động có thể phân thành hai loại: (a) hướng chuyển động có điểm kết và (b) hướng chuyển động không có điểm kết.

39. Phong đẩy chiếc taxi *đến* trạm xăng.

40. Phong đẩy chiếc xe máy *dọc theo* bờ sông.

Ngữ nghĩa của vị từ chỉ hướng trong kết cấu quy định thuộc tính ngữ nghĩa này cho tham tố hướng của kết cấu. Vị từ “*đến*” về mặt cấu trúc nội tại là một vị từ hữu đích, tức một vị từ miêu tả một chuyển động được hạn định khi đạt đích, còn vị từ “*dọc theo*”, trái lại, là vị từ vô đích miêu tả cấu trúc chuyển động không có kết điểm.

Trong kết cấu vị từ chuyển động do tác động thì “điểm quy chiếu” là một thực thể quy chiếu, được định vị và có liên quan đến khung quy chiếu và hướng chuyển động của đối tượng chuyển động được xác định trong tương quan với thực thể quy chiếu này (Talmy).

Điểm quy chiếu có thể được xem là gồm nhiều thành tố nằm trên hướng di chuyển gồm nguồn, đích đến và các điểm mốc trên đường di chuyển.

Điểm quy chiếu nguồn là điểm xuất phát của chuyển động, điểm quy chiếu đích là điểm kết thúc của chuyển động, và các điểm mốc trên đường di chuyển là các điểm quy chiếu về không gian từ điểm xuất phát đến điểm kết thúc của chuyển động như trong các câu sau đây:

41. Phong thấy con chuột vào *thùng rác*. → đích
42. Phong đẩy chiếc xe ba gác *từ nhà ra chợ*. → nguồn + đích
43. Phong hất chai tương ớt văng khỏi *bàn*. → nguồn

Như vậy, điểm quy chiếu do danh ngữ đi sau các vị từ chỉ hướng sẽ biểu thị tham tố *đích* hay tham tố *nguồn* hay tích hợp hai tham tố này (nguồn-đích) tùy thuộc vào ngữ nghĩa của vị từ chuyển động biểu thị hướng chuyển động như trong các ví dụ trên.

Kết cấu chuyển động do tác động có nghĩa chuyển di có thể xem là một kết cấu phái sinh của kết cấu chuyển động do tác động hay gây khiến. Xét các ví dụ sau:

44. Phong ném trái bóng vào *rổ*.
45. Phong ném trái bóng cho *Hải*.

Cả hai ví dụ trên đều biểu thị kết cấu chuyển động do tác động, nhưng có những khác biệt về ngữ nghĩa. Trong (44), danh ngữ “*rổ*” nằm sau vị từ chỉ hướng chuyển động biểu thị tham tố điểm quy chiếu, mà cụ thể ở đây là tham tố đích và ngữ nghĩa của (44) là *Phong khiến trái bóng chuyển động vào rổ*. Kết cấu này được xem là kết cấu chuyển động do tác động tiêu biểu. Tuy nhiên, trong câu (45), danh ngữ “*Hải*” không chỉ biểu thị tham tố đích mà còn biểu thị tham tố tiếp thể. Tương tự như những kết cấu chuyển động do tác động khác, ngữ nghĩa của (45) không chỉ là trái bóng do Phong ném chuyển động về phía Hải – tức biểu thị sự chuyển vị của một đối tượng – mà còn có thể biểu thị sự chuyển đổi sở hữu từ tham tố tác thể sang tham tố người nhận.

Theo Goldberg (1995), kết cấu này được xem là một sự mở rộng có tính ẩn dụ của kết cấu chuyển động do tác động. Việc thực hiện sự chuyển di sở hữu một đối tượng từ tham tố “sở hữu chủ” sang tham tố tiếp thể – sở hữu chủ mới phát sinh, được

xem như là sự tác động khiến đối tượng chuyển động theo một hướng do tác thể xác định. Sự mở rộng kết cấu này có thể được miêu tả qua hai cấu trúc sau:

Kết cấu gây khiến chuyển động: [[X hành động<ném>] tác động[Y chuyển động [hướng z]]]

Kết cấu gây khiến chuyển động: [[X hành động<ném>] tác động [y có/nhận z]]

Như vậy, những kết cấu biểu thị sự *cho tặng, chuyển di* một đối tượng hay một thực thể từ tác thể sang tiếp thể đều được xem là kết cấu chuyển động do tác động mở rộng có tính ẩn dụ như trong (46-47).

46. Phong *cho/tặng/biểu* tôi bức tranh này.

47. Nam *đưa/chuyển/mang* bức thư này cho bố mẹ Hải.

Đặc trưng ngữ nghĩa về mặt không gian-thời gian của “cho” bao giờ cũng biểu thị sự chuyển di hay sự chuyển động (nói theo nội dung của luận văn này) của một thực thể đến một tiếp thể và điều này đã đánh dấu tiếp thể như tham tố đích trong kết cấu chuyển động do tác động.

Kết cấu chuyển động do tác động với vị từ *làm/khiến*: [X (NP – V) – làm/khiến – Y (NP) – V] là một kết cấu gây khiến đặc trưng của tiếng Việt. X là tác nhân, Y là đối tượng chịu tác động, còn vị từ theo sau danh ngữ biểu thị Y cho biết kết quả của sự tác động mà X tạo ra đối với Y. Tuy nhiên, kết cấu này hơi khác những kết cấu chúng tôi khảo sát ở trên về ngữ nghĩa. Sự tác động gây ra chuyển vị hay chuyển động của bị thể không phải là sự tác động cơ học trực tiếp mà mang tính gián tiếp. Nói cách khác, kết cấu này biểu thị một sự gây khiến gián tiếp. Vì vậy, kết cấu không cho thấy một cách rõ ràng cách thức tác động lên đối tượng của tác thể.

48. Phong *làm* Mai bỏ chạy.

49. Phong *dọa* ma làm Mai bỏ chạy.

50. Phong đến muện *khiến* Mai bỏ về/đi.

Câu (48) không cho biết cách thức Phong tác động đến Mai khiến Mai bỏ chạy, trong (49) Phong tác động về mặt tâm lý (*dọa*) khiến Mai bỏ chạy, còn trong (50) Phong tạo ra một sự kiện tiêu cực, nằm ngoài ý muốn của Mai, và điều này khiến Mai bỏ về hay bỏ đi. Do sự tác động được miêu tả ở đây là sự tác động phi cơ học, mang tính tâm lý nên luận văn không khảo sát chi tiết (do sự tác động gây chuyển động chịu sự chi phối của hạn lệ ngữ nghĩa, đó là tác thể phải tạo ra một sự gây khiến trực tiếp).

3. Kết luận

Kết cấu chuyển động do tác động hay gây khiến trong tiếng Việt là một bộ phận của kết cấu gây khiến. Về mặt ngữ nghĩa, kết cấu chuyển động do tác động biểu thị một lực do tác thể thực hiện tác động đến bị thể khiến đối tượng này chuyển động. Hai tham tố tác thể và bị thể hay đối tượng chịu tác động là hai tham tố trung tâm của kết cấu. Ngoài ra, một đặc trưng quan trọng của kết cấu, đó là sự hòa nhập các vai tham tố của vị từ vào vị trí của các vai tham tố kết cấu. Như vậy, có thể nói ngữ nghĩa của kết cấu không phải là một sự kết hợp ngữ nghĩa của các vị từ bộ phận, mà nó là ngữ nghĩa của một kết cấu phức thể. Về mặt cấu trúc, kết cấu miêu tả một phức thể sự tình do hai sự tình bộ phận cấu thành: sự tình gây khiến /tác động và sự tình chuyển động do gây khiến/tác động. Hai sự tình này diễn ra theo trật tự tuyến tính về mặt không gian và thời gian. Về mặt cú pháp, các tham tố cú pháp hành chức trong kết cấu chuyển động như chủ ngữ, bổ ngữ trực tiếp, bổ ngữ gián tiếp... nằm trong mối quan hệ chiếu xạ giữa các vai tham tố (tác thể, bị thể, hướng và đích hoặc nguồn) trong kết cấu. Tham tố tác thể thường xuất hiện ở vị trí chủ ngữ, bị thể hành chức như bổ ngữ trực tiếp... trong khung cú pháp của kết cấu chuyển động do gây khiến.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

TIẾNG VIỆT

1. Cao Xuân Hạo, (2006). *Tiếng Việt - Sơ thảo Ngữ pháp Chức năng (tái bản)*, Nxb Giáo dục, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Diệp Quang Ban, (1996). *Ngữ pháp tiếng Việt (tập 1)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Diệp Quang Ban, (1996). *Ngữ pháp tiếng Việt (tập 2)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Đinh Văn Đức, (1986). *Ngữ pháp tiếng Việt (tù loại)*. Nxb Đại học & Trung học Chuyên Nghiệp, Hà Nội.
5. Hồ Lê, (1991). *Cú pháp tiếng Việt (tập 1)*, Nxb Khoa học Xã hội, Viện Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Hồ Lê, (1992). *Cú pháp tiếng Việt (tập 2)*, Nxb Khoa học Xã hội, Viện Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Hồ Lê, (1993). *Cú pháp tiếng Việt (tập 3)*, Nxb Khoa học Xã hội, Viện Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh.
8. Hoàng Phê, (1975). *Phân tích ngữ nghĩa*, Tạp chí Ngôn ngữ (2).
9. Nguyễn Đức Dân, (1987). *Logic Ngữ nghĩa cú pháp*, Nxb Đại học và Trung học Chuyên Nghiệp, Hà Nội.
10. Nguyễn Lai, (1977). *Một vài đặc điểm của nhóm từ chỉ hướng được dùng ở dạng động từ trong tiếng Việt hiện đại*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 03 (1977).
11. Nguyễn Lai, (1981). *Thử xác định ranh giới và sự chuyển hóa giữa nét nghĩa động tác và nét nghĩa hướng của từ đi trong tiếng Việt hiện đại*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 02.
12. Nguyễn Lai, (1989). *Ghi nhận thêm về bản chất nhóm từ chỉ hướng vận động trong tiếng Việt hiện đại*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 01, 02.

TIẾNG ANH

13. Aikhenvald, Alexandra Y. & Dixon, R. M.W., (2006). *Serial Verb Construction – A Cross-Linguistic Typology*. United States: Oxford University Press.
14. Hân, Mai Thị Thu, (2011). *Verbs of motion and their lexicalization patterns in English and Vietnamese – A perspective from cognitive semantics*. VNU Journal of Science, Foreign Language 27 (2011) 107-114.
15. Talmy, Leonard (1972). *Semantic Structures in English and Atsugewi*. Dissertation University of California, Berkeley.
16. Talmy, Leonard (1985). Lexicalization patterns: Semantic structure in lexical forms. In T. Shopen (ed), *Language Typology and Description 3: Grammatical Categories and the Lexicon*. Cambridge: Cambridge University Press.
17. Talmy, Leonard (1991). Path to Realization: A Typology of Event Conflation. *Proceedings of the Seventeenth Annual Meeting of the Berkeley Linguistics Society*. 480 – 519
18. Talmy, Leonard (1996). Fictive Motion in Language and ‘Ception’. Bloom et al. 211-76.
19. Talmy, Leonard (2000). *Towards a Cognitive Semantics: Typology and process in concept structuring*. Volume II. Cambridge: MIT Press.